

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165/2018/HC-PT**

Ngày 12-10-2018

V/v: “*Khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Bà **Lê Thúy Cầu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 138/2018/TLPT-HC ngày 12/3/2018 về việc “*khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138c/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 09 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Đình T và Bà Ngô Thị Đ; địa chỉ: Xã M, huyện P, Bình Định. Ông T- Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn H- Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu D, phó chủ tịch- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Mạnh C- Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tài nguyên-Môi trường huyện P, tỉnh Bình Định. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, phó chủ tịch- Có mặt.

- Ông Nguyễn H1, sinh năm 1932

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963

Ông H1, T1, T2 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn H2: Xã M, huyện P, Bình Định- Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Hải: Bà Đinh Thị H - Luật sư Công ty Luật TNHH H và Cộng sự. Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị Đ thống nhất trình bày:

Khoảnh địa số 387 tục danh địa “U” có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Đ (*ông cố của anh T*) thừa hưởng của ông bà để lại; cụ Nguyễn Đ mất để lại cho cụ Nguyễn C (*ông nội anh T*) canh tác sử dụng. Năm 1987, cụ Nguyễn C mất, để lại địa “U” cho ông Nguyễn T3 (*cha anh T*) tiếp tục canh tác sử dụng từ năm 1987 đến năm 2006. Năm 2007, ông T3 chết giao lại cho anh T trọn quyền sử dụng canh tác từ đó cho đến nay; đã đăng ký vào sổ mục kê tại ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (*viết tắt là UBND xã M*). Ngoài ra, địa “U” không vào hợp tác xã nên không nằm trong diện cân đối giao quyền theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Tháng 8/2010, anh T đại diện gia đình mời các thành viên trong tộc họ họp bàn phương án để cho mượn khoảnh địa trên lấy tiền xây dựng mồ mã ông bà. Anh T đưa ra giá 03 năm (2011, 2012, 2013) là 30.000.000 đồng; trong đó, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn H (*con ông Nguyễn T3*) đồng ý mượn cùng nhau canh tác chung.

Ngày 10/6/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (*viết tắt là Chủ tịch UBND huyện P*) ban hành Quyết định số 3987/QĐ- UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; quyết định nói trên có nội dung:

Công nhận nội dung đơn của ông Nguyễn H2 (*được ông Nguyễn H1 ủy quyền*) về việc yêu cầu giải quyết dứt điểm việc tranh chấp quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản đối với bà Ngô Thị Đ, anh Nguyễn Đình T.

Vì: Địa U' thuộc thửa đất số 38, diện tích 15.920 m², tờ bản đồ số 23 (bản đồ 299/TTg), nay thuộc các thửa đất số 78, 79, 108, 109, tổng diện tích là 16.828,7 m², tờ bản đồ địa chính số 13 được cân đối giao quyền sử dụng cho 04 hộ (*con ông Nguyễn C*) gồm: Hộ ông Nguyễn T3 - bà Ngô Thị Đ (*con là Nguyễn Đình T*) diện tích 3,197 m²; hộ ông Nguyễn Văn T1 diện tích 3.545 m²; hộ ông Nguyễn Văn T1 diện tích 3.700 m² và hộ ông Nguyễn H1 – Nguyễn Thị U' diện tích 3.349 m² là đúng quy định pháp luật.

Công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Nguyễn Văn T1, hộ ông Nguyễn Văn T1 và hộ ông Nguyễn H1 đồng sử dụng chung (*luân ban*) thửa địa 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663 m² (*đã trừ phần diện tích quy hoạch mở rộng 6m ở phía nam có diện tích 910m² và phía tây có diện tích 805 m²*) theo phương án cân đối giao quyền ruộng đất do UBND xã M lập.

Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T3 (*vợ là bà Ngô Thị Đ*) tại các thửa địa số 78, 108, 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.449,8 m².

Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại nói trên, ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (*viết tắt là UBND huyện P*) đã tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đối với thửa địa nói trên. Theo anh T, thời gian niêm yết kết quả xét duyệt đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 30 ngày; trong thời hạn niêm yết công khai nói trên, anh T đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện P về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 nhưng không được giải quyết.

Từ những căn cứ nói trên, anh Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 của UBND huyện P cấp cho các Ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, anh Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị Đ còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, anh T, bà Đ không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện, ông Phan Hữu D - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

- Về quá trình giải quyết tranh chấp đất nuôi trồng thủy sản (Đìa U) tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định:

Các hộ ông Nguyễn H1, Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 là hộ xã viên Hợp tác xã muối cá xã M, huyện P. Năm 1993, thực hiện phương án giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp ổn định, lâu dài trên địa bàn xã M theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; các hộ ông Nguyễn H1 (vợ là bà Nguyễn Thị U), Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn T3 (chồng bà Ngô Thị Đ, cha anh Nguyễn Đình T) được Hội đồng cân đối giao quyền xã M xác lập phương án cân đối giao quyền sử dụng đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tại đìa U vào năm 1998.

Tháng 6/2014, bà Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Đình T đòi lấy lại toàn bộ diện tích đìa U, ngăn cản không có các hộ ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 sử dụng nên xảy ra tranh chấp. Ngày 18/6/2014, Chủ tịch UBND huyện P nhận được đơn của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản với bà Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Đình T. Ngày 10/6/2016, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 3987/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại nói trên; quyết định có nội dung công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1 đồng sử dụng chung (luân ban) thửa đìa 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663m² (đã trừ phần diện tích quy hoạch mở rộng 6m ở phía nam có diện tích 910 m² và phía tây có diện tích 805 m²) theo phương án cân đối giao quyền ruộng đất do UBND xã M lập năm 1998 và công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T3 (vợ là bà Ngô Thị Đ) tại các thửa đìa số 78, 108, 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.449,8 m².

Căn cứ để Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định nói trên:

- Đìa U thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 23, diện tích 15.920 m² (bản đồ 299/TTg); nay thuộc các thửa số 78, 79, 108, 109, tờ bản đồ số 13, là của cụ Nguyễn C sử dụng. Sau khi cụ C chết thì các con cụ C là các ông T3, T1, T2, H1 sử dụng chung. Căn cứ vào việc các con ông C đang sử dụng và họ cũng là xã viên HTX muối cá xã M nên đưa vào phương án giao quyền sử dụng đất mặt nước nuôi trồng thủy sản. Theo đó ông T3, bà Đ diện tích 3.197 m², Nguyễn Văn T1 diện tích 3.545 m², Nguyễn Văn T1 diện tích 3.700 m², Nguyễn H1 - Nguyễn Thị U diện tích 3.349 m² quy định tại điểm 5 của phương án bổ sung về việc giao quyền sử dụng đất ổn định lâu dài đến hộ nông dân xã M đối với khu vực Hợp tác xã muối cá do UBND xã M lập ngày 09/6/1998 (phương án giao quyền lập theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ). Đồng thời, tại biên bản họp Hội đồng xét duyệt đất đai tại xã M ngày 11/11/1998 đã thông qua Phương án hộ - giao đất mặt

nước nuôi trồng thủy sản cho 18 địa trên địa bàn xã M (trong đó, địa U được nhân bố cho 04 hộ nói trên). Tổng diện tích được cân đối là 13.731 m²/15.920 m².

- Qua kiểm tra thực tế, tại các thửa địa số 78, 108, 109, tờ bản đồ số 13 có tổng diện tích 3.448,9 m² tương đương với phần diện tích được cân đối giao quyền (3.197 m²) cho hộ ông Nguyễn T3. Tại thửa địa số 79, tờ bản đồ số 13 sau khi trừ phần diện tích quy hoạch mở rộng 6m ở phía đông nam (diện tích 910 m²) và phía tây bắc (diện tích 805 m²), diện tích còn lại 11.663 m² tương đương với phần diện tích được cân đối giao quyền cho các hộ Nguyễn Văn T1 3.545 m², Nguyễn Văn T1 3.700 m², Nguyễn H1- Nguyễn Thị U 3.349 m².

- Về quá trình UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016:

Trên cơ sở Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P; các hộ Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 có đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất tại địa số 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663 m² tọa lạc tại An Hoan, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Hội đồng đăng ký đất đai xã M đã họp xét ngày 29/7/2016, thống nhất thông qua đơn đăng ký và kết luận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; UBND xã M đã ban hành Thông báo số 43/TB-UBND ngày 29/7/2016 về việc niêm yết kết quả xét duyệt đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 15 ngày và có biên bản kết thúc việc niêm yết (không có đơn tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận nói trên).

Trên cơ sở hồ sơ các hộ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đã được UBND xã M ký xác nhận; UBND huyện P đã tiến hành thẩm tra, xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 của UBND huyện P cấp cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đối với thửa địa nói trên.

Từ những căn cứ nói trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không đồng ý hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 và UBND huyện P không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 cấp cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn Loan - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

UBND xã M thống nhất nhưng phần trình bày của UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P về nguồn gốc đất; quá trình giải quyết tranh chấp và quá trình UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1. UBND xã M yêu cầu Tòa án giải quyết theo các quy định của pháp luật.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn H2 thống nhất trình bày:*

Các ông Nguyễn H1, Nguyễn H2, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 thống nhất nhưng phần trình bày của UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P về nguồn gốc đất nuôi trồng thủy sản (Đìa U') tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và sau khi ông nội C chết thì các anh em Nguyễn T3, Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 cùng canh tác trên Đìa U' cho đến khi UBND xã M giao đất, không ai có tranh chấp cho đến khi thỏa thuận luân canh thì Ông T và bà Đ tranh chấp vào tháng 6/201. Quá trình giải quyết tranh chấp Đìa U', UBND huyện đã có quyết định giải quyết có hiệu lực nên UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1.

Theo Biên bản ngày 11/11/1998 của UBND xã M về việc cân đối giao quyền đìa U' cho 04 hộ; cụ thể:

- Nguyễn H1 - vợ Nguyễn Thị U': 10 nhân khẩu x 740m² chuẩn=7400m² chuẩn. Trong đó: Diện tích ruộng muối: 4.051 m² và Đìa U': 3.349 m².

- Nguyễn T3 - vợ Ngô Thị Đ: 08 nhân khẩu x 740 m² = 5.920 m². Trong đó: Diện tích ruộng muối: 2.723 m² và Đìa U': 3.197 m².

- Nguyễn Văn T1: 07 nhân khẩu x 740 m²= 5.180 m². Trong đó: Diện tích ruộng muối: 1.635 m² và Đìa U': 3.545 m².

- Nguyễn Văn T1: 05 nhân khẩu x 740 m² = 3.700 m².

Hộ Nguyễn Văn T1 chưa có đất sản xuất nên hợp tác xã muối cá cấp 3.700 m² trong đìa U'.

Tất cả 04 hộ đều là xã viên hợp tác xã muối cá M, làm ăn cho đến đầu năm 2014; do làm ăn không hiệu quả nên 4 hộ hợp thống nhất chia đều mỗi năm 01 hộ, phần ai nấy làm nhưng biên bản đã họp ngày 11/02/2014. Riêng bà Ngô Thị Đ không chịu, cùng với anh Nguyễn Đình T (con ông Nguyễn T3) ngăn cản các hộ Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 không cho canh tác.

Khởi kiện của anh Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị Đ thì các ông Nguyễn H1, Nguyễn H2, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định số 624/1998/QĐ-UB ngày 27/02/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị Đ.

Hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663,3 m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2017 Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Ngày 08/9/2017 Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Ngày 30/8/2017 đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Với các lý do nhưng sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Võ Văn B để cho rằng sau khi ông C chết thì ông T3, bà Đ và Ông T sử dụng Địa U là không đúng vì

sau khi ông C chết thì các con của ông B cùng sử dụng và ông B là thành viên của Hội đồng cân đối giao quyền sử dụng đất mặt nước nuôi trồng thủy sản xã M ngày 11/11/1998 đã thống nhất thông qua phương án giao quyền sử dụng đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tại địa U'. Bên cạnh đó, Bản án sơ thẩm cũng cho rằng Ông T và bà Đ có đăng ký kê khai tại sổ mục kê theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 là không đúng, vì theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì sổ mục kê phải được lập trước ngày 18/12/1980.

+ Các ông Nguyễn T3, Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đều là xã viên hợp tác xã muối cá M được Hội đồng cân đối giao quyền sử dụng đất mặt nước nuôi trồng thủy sản tại địa U' vào ngày 11/11/1998 theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và từ đó đến nay các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

+ Các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 trước khi UBND huyện P giải quyết tranh chấp đã tiến hành khởi kiện tại Tòa án và Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện theo thông báo số 570/TB-TA ngày 02/6/2014 với lý do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, khi các ông H1, T1, T2 yêu cầu giải quyết tranh chấp tại UBND huyện P, khi giải quyết các đương sự không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nên UBND huyện P tiến hành giải quyết và ra Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P và đề nghị của Hội đồng xét cấp đất của xã Nghĩa Chánh. UBND huyện P đã tiến hành thẩm tra, xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất là đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng trái thẩm quyền là thiếu căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị Đ không rút đơn khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 là ông Nguyễn H2, Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND xã M giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về yêu cầu hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P:

[1.1] Địa U thuộc thửa đất số 38, diện tích 15.920m², tờ bản đồ số 23 (bản đồ 299/TTg), nay là các thửa đất số 78, 79, 108, 109, tờ bản đồ địa chính số 13, tổng diện tích là 16.828,7m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Bản án số 878 JC ngày 15/9/1943 của Chính Phủ Nam Triều đã quyết định công nhận địa số 378 (tên thường gọi là Địa U) có nội dung công nhận địa số 387 là của hương hỏa họ Nguyễn. Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất “Địa U” là đất của tộc họ Nguyễn, không phải là đất của cụ Nguyễn C mà cụ C chỉ là người canh tác, sử dụng đất “Địa U” trước khi cụ C chết năm 1987.

[1.2] Nguyên đơn Nguyễn Đình T, Ngô Thị Đ cho rằng khi cụ C chết đã giao đất “Địa U” cho ông Nguyễn T3 (cha Ông T, chồng bà Đ) sử dụng và vào tháng 8/2010 các thành viên trong tộc họ Nguyễn thống nhất cho ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T1 và anh Nguyễn H1 (con ông Nguyễn T3) mượn khoảnh địa “Địa U” lấy tiền để xây dựng mồ mã ông bà. Tuy nhiên, Ông T, bà Đ không có chứng cứ để chứng minh việc cụ C hoặc họ tộc Nguyễn giao đất “Địa U” cho ông T3 quản lý, sử dụng và không có chứng cứ để chứng minh các thành viên họ tộc Nguyễn cho ông T1, ông T2, ông H1 thuê mượn đất “Địa U”.

Do đó, không chấp nhận diện tích đất “Địa U” là của gia đình Ông T và bà Đ nhưng yêu cầu khởi kiện. Việc đòi lấy lại đất “Địa U” cũng nhưng việc ngăn cản không cho ông T1, ông T2, ông H1 tiếp tục sử dụng thửa đất “Địa U” (thửa đất số 79, tờ bản đồ địa chính số 13) của Ông T, bà Đ là không đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Các ông Nguyễn T3, Nguyễn H1 (chồng bà Nguyễn Thị U), Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 là các con đẻ của cụ Nguyễn C. Theo lời khai của đại diện UBND xã M thì sau khi cụ C chết thì các ông T1, ông T2, ông H1 và ông T3 quản lý và đủ điều kiện sử dụng diện tích đất “Địa U”: “Các ông H1, Trí, T1 và T2 là con của ông C, đều có hộ khẩu tại xã M nên có đủ điều kiện để giao đất nông nghiệp; các con còn lại của ông C thì ở nơi khác nên không thuộc đối tượng giao quyền sử dụng”; “Sau khi ông C chết, 4 người con của ông C sử dụng Địa này nên Ủy ban cân đối và

giao luôn” và “năm 1987 ông Nguyễn C chết, các con ông là Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1...sử dụng từ năm 1987 đến năm 1998, tại cuộc họp ngày 11/11/1998 Hội đồng giao quyền sử dụng đất đã giao đất...”. Lời khai của

đại diện UBND xã M phù hợp với nội dung của Biên bản cuộc họp quân dân chính đảng thôn An Hoan ngày 25/12/1998; phù hợp lời khai của ông Võ Văn B ngày 12/9/2017: “*hộ ông Nguyễn T3, hộ ông Nguyễn Văn T1 và hộ ông Nguyễn Văn T1 là hộ xã viên Hợp tác xã cá, muối. Từ khi ông Nguyễn C chết các con ông Nguyễn C (Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1) tự thỏa thuận với nhau để sử dụng, đến năm 2014 thì xảy ra tranh chấp*”; phù hợp với lời khai của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 về thời gian sử dụng đất “Đìa U” sau khi ông C chết cho đến khi được giao đất và tiếp tục sử dụng diện tích đất “Đìa U” cùng chung với gia đình ông T3 cho đến sau khi ông T3 chết thì Ông T tranh chấp và phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Đình T tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2018: “*Đất ông H1, ông T1, ông T2 sử dụng từ năm 1987, đến năm 2011 thì tôi cho mượn*”; “*Đoạn trước cha tôi tự cho, sau đó cho tôi, tôi tiếp tục cho mượn lấy tiền xây mô mã.*”

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2017: “*đến năm 1987 ông Nguyễn C chết để lại đìa cho các con là ông Nguyễn T3 (cha Ông T, chồng bà Đ) Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị U (vợ ông Nguyễn H1) tiếp tục sử dụng*” là phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Võ Văn B ngày 08/8/2017 để xác định sau khi ông Nguyễn C chết thì ông Nguyễn T3 và sau đó là bà Ngô Thị Đ, Nguyễn Đình T quản lý sử dụng ổn định đến năm 2014 là chưa đánh giá đầy đủ các tình tiết và chứng cứ của vụ án.

Vì vậy, có cơ sở xác định: Toàn bộ diện tích đất “Đìa U” (các thửa đất số 78, 79, 108, 109, tờ bản đồ địa chính số 13, tổng diện tích là 16.828,7m²) đã được các ông Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn H1 quản lý, sử dụng từ năm 1987 cho đến khi được UBND xã M cân đối giao đất vào tháng 11/1998 theo Nghị Định 64/CP của Chính phủ. Sau khi được giao đất, các ông T3, H1, T1, T2 tiếp tục sử dụng và tính đến thời điểm tranh chấp (tháng 6/2014) thì các ông H1, T1, T2 đã sử dụng đất ổn định, liên tục đã hơn 26 năm. Cho nên, theo quy định tại Điều 1 Nghị định 64/CP của Chính phủ: “*Toàn bộ đất nông nghiệp đang được sử dụng thì giao hết cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất xuất nông nghiệp...*” và nguyên tắc giao đất nông nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 64/CP của Chính phủ: “*Trên cơ sở hiện trạng ...; thực hiện chính sách bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có đất sản xuất.*” . Đồng thời, theo quy định tại Điều 1: “*Toàn bộ diện tích đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản sau khi trừ đi diện tích đất của các tổ chức...diện tích còn lại đều phải được đưa vào phương án cân đối để giao cho hộ gia đình và cá nhân...(kể cả đất cá thể, đất đấu thầu, đất khai hoang)*” và quy định tại Điều 3 Quyết định số 624/1998/QĐ-UB ngày 27/02/1998 của UBND tỉnh Bình Định: “*Đất của hộ gia*

đình lâu nay sản xuất cá thể thì giao nguyên hiện trạng cho hộ đó...” thì UBND xã M thực hiện việc cân đối, giao toàn bộ diện tích đất “Đìa U” cho các hộ ông Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1 là những hộ đang sử dụng đất là phù hợp chính sách đất đai và quy định của pháp luật.

Mặt khác, trước khi thực hiện việc giao diện tích đất “Đìa U” cho các hộ Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1 thì Hội đồng giao quyền sử dụng đất xã M đã tổ chức họp toàn bộ các hộ đang sử dụng đất “Đìa” để thông báo phương án giao quyền và lấy ý kiến vào các ngày 18/11/1998, ngày 25/12/1998 và ngày 29/12/1998. Tại các cuộc họp này, hộ ông Nguyễn T3 có tham gia và không có ý kiến phản đối và khiếu nại. Bên cạnh đó, sau khi giao quyền sử dụng đất “Đìa U” theo phương án cho các hộ ông Nguyễn T3, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1 thì các hộ này đã cùng nhau tiếp tục quản lý và sử dụng, ổn định, liên tục hơn 16 năm không có khiếu nại hoặc tranh chấp đã chứng tỏ sự thừa nhận quyền sử dụng đất “Đìa U” của gia đình ông Nguyễn T3 đối với các hộ Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1. Cho nên, Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn H1 đồng sử dụng chung (*luân ban*) thửa đìa 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663m² và công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T3 tại các thửa đìa số 78, 108, 109, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.449,8 m² là có căn cứ.

[1.4] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P: Bản án sơ thẩm căn cứ vào Bản án số 878 JC ngày 15/9/1943 của Chính Phủ Nam Triều và trích lục địa bộ chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn C là: *“giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất”* theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 để xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai của vụ án này của Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, Bản án số 878 JC ngày 15/9/1943 của Chính Phủ Nam Triều nội dung công nhận đìa số 387 là của hương hỏa họ Nguyễn nên chưa được xem là giấy tờ về quyền sử dụng đất cấp cho người sử dụng đất. Hơn nữa, Bản án số 878 JC ngày 15/9/1943 của Chính Phủ Nam Triều và trích lục địa bộ chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn C chỉ xác định số hiệu của ao là 387 và tên xứ đất là “Ngòi bầu”; không thể hiện đây là “Đìa U” nên chưa đủ căn cứ để xác định diện tích đất “Đìa U” đã có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện P đã trả lại đơn khởi kiện cho ông Nguyễn Văn T1 (*Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 570/GB-TA ngày 02/6/2014*), với lý do *“các đương sự không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai 2003”* là đúng quy định và sau khi Tòa án nhân dân huyện P đã trả

lại đơn khởi kiện thì các ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn H1 gửi đơn đến UBND huyện P yêu cầu giải quyết và UBND huyện P thụ lý giải quyết, ra Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 là phù hợp và có cơ sở.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị Đ về hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P không thể chấp nhận.

[2] *Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 của UBND huyện P cấp cho các Ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1:*

[2.1] Sau khi ban hành Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016, UBND huyện P không nhận được khiếu nại hoặc thông tin về khởi kiện tại Tòa án trong thời hạn (30 ngày) quy định của Ông T, bà Đ nên khi nhận được đơn xin cấp Giấy chứng nhận QSD (*quyền sử dụng*) đất của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đề ngày 20/7/2016, UBND huyện P đã căn cứ vào Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất: Biên bản họp xét của Hội đồng đăng ký đất đai xã M ngày 29/7/2016; Biên bản niêm yết kết quả xét duyệt trong thời hạn 15 ngày và biên bản kết thúc việc niêm yết (*không có khiếu nại, tranh chấp đến việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông T1, ông T2 và ông H1*) và trên cơ sở thẩm tra, ngày 16/9/2016 UBND huyện P tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai 2013 và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mặc dù, thể hiện tại Công văn số 172 ngày 30/6/2016 của Ban tiếp công dân huyện P thì sau khi nhận được Quyết định số 3987/QĐ-UBND; ngày 29/6/2016 bà Đ, Ông T gửi đơn khiếu nại đến Ban tiếp công dân và được Ban tiếp công dân huyện P trả lại đơn và hướng dẫn Ông T bà Đ gửi đơn khiếu nại đến cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án nhưng Ông T, bà Đ không khiếu nại tiếp theo mà ngày 26/7/2016 bà Đ, Ông T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P. Việc khiếu nại của Ông T và bà Đ nêu trên đã thể hiện sự việc vẫn còn đang tranh chấp. Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P, Ông T bà Đ đã không tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật khiếu nại. Đồng thời, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn

Văn T1 và Nguyễn Văn T1 là đã đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục và không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông T, bà Đ. Do đó không chấp nhận khởi kiện của Ông T, bà Đ về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 của UBND huyện P.

[3] Từ phân tích trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Đình T về Hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện P và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07224 ngày 16/9/2016 của UBND huyện P cấp cho ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663.3m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình và sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1; của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định và Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

[4] Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp và do chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1; của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định và Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận khởi kiện của anh Nguyễn Đình T, bà Ngô Thị Đ, về yêu cầu hủy Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07224 ngày 16/9/2016 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T1 đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 13, diện tích 11.663.3m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 07892 ngày 03/10/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Ông T và bà Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 07893 ngày 03/10/2016 (ông Nguyễn H nộp) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

+ Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và các ông Nguyễn H1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ông H1, ông T1 và ông T2 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp (*ông Hải nộp*) tại biên lai thu số 09475 ngày 05/2/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp (*ông Lê Việt Thành nộp*) tại biên lai thu số 08085 ngày 21/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Chủ tịch UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp (*bà Ngô Thị Lành nộp*) tại biên lai thu số 08086 ngày 21/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh